

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

HỆ THỐNG QUẢN LÝ HỌC TẬP VÀ SỰ THAM GIA CỦA SINH VIÊN TRONG MÔ HÌNH HỌC KẾT HỢP: NGHIÊN CỨU TẠI ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI HOÀNG THỊ NHUNG* - PHAN THANH QUYÊN** - VÔ MAI ĐỖ QUYÊN***

TÓM TẮT: Học kết hợp, một phương pháp giáo dục tích hợp một cách có hệ thống các môi trường trực tiếp và trực tuyến đang ngày càng phổ biến trong giáo dục đại học, đặc biệt là trong giảng dạy tiếng Anh bởi những lợi ích và tiềm năng đáng kể mà phương pháp này mang lại. Một trong những lợi ích quan trọng nhất của Học kết hợp là phương pháp này có thể tăng cường sự tham gia của người học. Bài báo trình bày kết quả của một nghiên cứu thăm dò về ảnh hưởng của Hệ thống quản lý học tập, một phần của Học kết hợp, đối với sự tham gia học tập của sinh viên. Nghiên cứu sử dụng các cuộc phỏng vấn làm công cụ thu thập dữ liệu chính. Các cuộc phỏng vấn đã được thực hiện với 20 sinh viên từ các chuyên ngành khác nhau để khảo sát Hệ thống quản lý học tập có ảnh hưởng như thế nào đến sự tham gia của sinh viên. Các kết quả nghiên cứu cho thấy, cách trình bày kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ, thiết kế nhiệm vụ (độ khó của nhiệm vụ, tài liệu thiết kế nhiệm vụ và loại nhiệm vụ), sự trì hoãn trong hỗ trợ, công cụ giao tiếp và khả năng truy cập Hệ thống quản lý học tập có thể có cả ảnh hưởng tiêu cực và tích cực đến sự tham gia của người học theo những cách khác nhau. Nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng đối với giáo viên, nhà phát triển chương trình giảng dạy cũng như các nhà quản lý giáo dục trong việc nâng cao chất lượng các chương trình BL trong các cơ sở giáo dục, đặc biệt là phân học tập trực tuyến.

TỪ KHÓA: Sự tham gia của học sinh; học tập kết hợp; các yếu tố ảnh hưởng; giáo dục đại học.

NHẬN BÀI: 15/5/2022.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 12/7/2022

1. Đặt vấn đề

Học kết hợp (BL) đã trở thành một phương pháp phổ biến trong giáo dục đại học (HE) không chỉ ở các nước phương Tây mà còn ở các khu vực châu Á [Kim & Bonk, 2006; Latchem & Jung, 2009]. Một trong những lợi ích của việc thực hiện BL mà nghiên cứu đã chỉ ra là BL giúp tăng mức độ tham gia của người học trong học tập [Vaughan, 2014; Youngers, 2014; Sahni, 2019]. Sự tham gia của người học tương quan chặt chẽ với kết quả giáo dục, cụ thể là thành tích học tập, sự kiên trì, sự hài lòng và ý thức cộng đồng. Kết quả này đã được nhiều nghiên cứu trước đây chứng minh (Conrad, 2010). Coates (2006) coi sự tham gia của người học là “*một điểm mấu chốt trong giáo dục*” trong khi Hiver et al. (2021, tr.24) nhấn mạnh rằng sự tham gia của người học là “*cốt lõi của tất cả việc học ngôn ngữ*”. Klem và Connell (2004) phát hiện ra rằng mức độ tham gia càng cao thì điểm chuyên cần và điểm kiểm tra càng cao. Klem và Connell (2004) cũng kết luận rằng những người học tham gia “chú ý nhiều hơn, có vẻ quan tâm nhiều hơn” và “kiên trì đôi mắt với những thách thức” hơn.

Tại Việt Nam, BL đã được áp dụng trong việc giảng dạy và học tiếng Anh, sử dụng Hệ thống quản lý học tập (LMS) trong giáo dục đại học. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu về sự ảnh hưởng của LMS đến sự tham gia của sinh viên trong học tập. Do đó, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu này để xác định cách LMS ảnh hưởng đến cách sinh viên tiếng Anh không chuyên tham gia vào học BL. Mục đích cuối cùng của nghiên cứu là đưa ra khuyến nghị để cải thiện sự tham gia của sinh viên trong các khóa học BL nói riêng và với việc thực hiện BL nói chung tại trường đại học. Để đạt được những mục tiêu này, nghiên cứu đề cập đến câu hỏi nghiên cứu sau: Hệ thống quản lý học tập ảnh

Trường Ngoại ngữ - Du lịch, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

* Email: hoangthinhung@dchcnhn.edu.vn

** Email: quyenpt@hau.edu.vn

*** Email: vomaidoquyen@hau.edu.vn

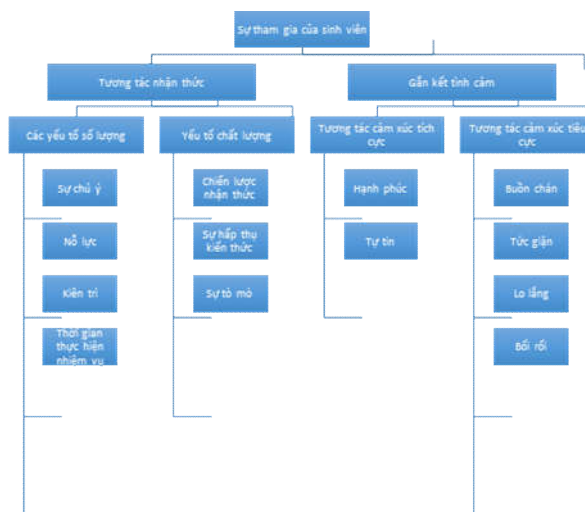
hướng như thế nào đến sự tham gia của sinh viên trong các khóa học tiếng Anh sử dụng hình thức BL?

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Học kết hợp và sự tham gia của sinh viên

Có nhiều định nghĩa khác nhau về BL, tuy nhiên trong phạm vi và cho mục đích của nghiên cứu này, *học kết hợp* được định nghĩa là một phương pháp giáo dục để tích hợp một cách có hệ thống các môi trường trực tiếp và trực tuyến để tối đa hóa sự tương tác giữa sinh viên, giáo viên và tài liệu học tập. Định nghĩa nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tích hợp cả môi trường trực tiếp và trực tuyến và nhấn mạnh vào sự tham gia của cả sinh viên và giáo viên.

Trong nghiên cứu này, sự tham gia của sinh viên vào việc học kết hợp được xác định gồm hai yếu tố: sự tham gia về nhận thức và về cảm xúc. Sự tham gia về nhận thức bao gồm yếu tố số lượng (sự chú ý, nỗ lực và kiên trì và thời gian thực hiện nhiệm vụ) và yếu tố chất lượng (sử dụng chiến lược nhận thức, sự hấp thụ kiến thức và sự tò mò). Sự tham gia về cảm xúc có thể được phân loại thành cảm xúc tích cực (hạnh phúc và tự tin) và cảm xúc tiêu cực (buồn chán, tức giận và lo lắng, và bối rối).



Hình 1. Khung lý thuyết về sự tham gia của sinh viên (tham khảo Halverson & Graham, 2019)

2.2. Hệ thống học tập (LMS) và sự tham gia của sinh viên trong môi trường học kết hợp

LMS đề cập đến “một ứng dụng phần mềm dựa trên web được thiết kế để xử lý nội dung học tập, tương tác của sinh viên, công cụ đánh giá và báo cáo về tiến bộ học tập và hoạt động của học sinh” [Kasim & Khalid, 2016, tr.55]. Một số ví dụ về LMS là i-Folio, Claroline, MyGuru2, MyLMS Blackboard, Moodle, Desire2Learn, Learning Space và Next Ed. LMS đã được nhiều trường đại học trên thế giới sử dụng rộng rãi [OBHE, 2002]. Theo Lowry & Flohr (2004), việc sử dụng LMS tại các trường đại học sẽ tăng lên trong tương lai do nhu cầu của sinh viên về một môi trường học tập liên quan đến công nghệ nhiều hơn.

LMS là một nguồn mở với những đặc điểm riêng và có thể sửa đổi theo nhu cầu. LMS cho phép sinh viên truy cập nội dung học tập trực tuyến, xem, tương tác với LMS và với các học sinh khác thông qua bất kỳ trình duyệt web nào sử dụng hệ điều hành, máy tính, máy tính bảng và điện thoại di động. LMS cũng cho phép giáo viên tải lên tài liệu, giao tiếp với học sinh, quản lý bài kiểm tra, bài tập về lớp và điểm số [Williams & Whiting, 2016]. Các lợi ích khác của việc sử dụng LMS là dễ dàng truy cập vào tài liệu khóa học, tăng cường hợp tác không đồng bộ giữa các sinh viên (Hershey & Wood, 2011), dễ dàng phổ biến thông tin hơn (Harrington et al., 2004; Hershey & Wood, 2011),

hồ sơ điểm số của sinh viên và bài tập và bài kiểm tra được chấm điểm mà sinh viên có thể truy cập bất cứ lúc nào và sinh viên cảm thấy hài lòng hơn với khóa học khi khóa học đáp ứng kì vọng về công nghệ của sinh viên (Green & Gilbert, 1995; Frand, 2000). Về mối quan hệ giữa sự tham gia của sinh viên và LMS, nghiên cứu của Williams và Whiting (2016) chỉ ra rằng LMS có tác động tích cực đến sự tham gia của sinh viên. Sinh viên tham gia nghiên cứu này đề xuất nhiều nhất việc tăng cường sử dụng LMS.

Ngoài những lợi ích trên, các nghiên cứu đã chỉ ra rằng LMS ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập của người học bằng cách tăng cường sự tham gia của người học (Stith, 2000) và làm sâu sắc thêm trải nghiệm học tập (Carmean & Haefner, 2002). Hơn nữa, các kết quả nghiên cứu cho thấy LMS giúp cải thiện việc giảng dạy và học tập (Coates, James, & Baldwin, 2005), làm phong phú thêm việc học tập của sinh viên (Gillani, 2000) và phát triển ý thức cộng đồng giữa sinh viên (AlBusaidi, 2012).

Bốn yếu tố chính của LMS có ảnh hưởng đến sự tham gia của học sinh là tài liệu học tập, giao tiếp trực tuyến, hỗ trợ trực tuyến và khả năng tiếp cận LMS.

Thứ nhất, về tài liệu học tập, kết quả từ nghiên cứu của Williams và Whiting (2016) chỉ ra rằng, sinh viên muốn nội dung của LMS có nhiều ứng dụng thực tế và ví dụ thực tế hơn. Để duy trì sự tham gia, Jeffrey (2012) đã chỉ ra cấu trúc nội dung, hướng dẫn và hướng dẫn cần phải rõ ràng, các nhiệm vụ phải đủ khó và mang tính thực tế. Đặc biệt, các nhiệm vụ khó sẽ giúp sinh viên nỗ lực hơn trong học tập và các nhiệm vụ thực tế sẽ tạo động lực cho người học tham gia. Nếu hướng dẫn và chỉ dẫn đánh giá mơ hồ và không rõ ràng khiến người học lo lắng hơn. Ngoài ra, các video hoạt hình sẽ giúp sinh viên nhớ tốt hơn. Ngược lại, bài thuyết trình PowerPoint dài ít thu hút được người học (Tay, 2016). Theo Sahni (2019), tài liệu học tập đa dạng giúp tăng cường sự tham gia của sinh viên. Các hoạt động cũng cần đa dạng như bài kiểm tra trực tuyến, thảo luận diễn đàn trực tuyến, thảo luận trò chuyện, danh sách kiểm tra, phản hồi giữa khóa học, bảng chú giải thuật ngữ, phiên cổ vấn, trang web và dự án nhóm).

Thứ hai, về giao tiếp trực tuyến, tương tác (Tay, 2016) và các diễn đàn thảo luận được tìm thấy giúp thúc đẩy sự tham gia của sinh viên (Youngers, 2014).

Thứ ba, về hỗ trợ trực tuyến, kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên đánh giá cao hỗ trợ khi họ có câu hỏi [Tay, 2016].

Về khả năng tiếp cận LMS, nghiên cứu của Tay (2016) chỉ ra người học tăng cường mức độ tham gia do dễ dàng tiếp cận các nguồn tài nguyên vì người học có thể tiết kiệm thời gian đi lại và học theo tốc độ của bản thân. Tuy nhiên, cũng có khả năng sinh viên trì hoãn việc học.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Bối cảnh nghiên cứu

Nghiên cứu diễn ra tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội với tiếng Anh là một môn học cơ bản và bắt buộc đối với sinh viên không chuyên ngành tiếng Anh. Sinh viên tham gia các khóa học BL tiếng Anh tại đây dành ít nhất 35 tiết (1 tiết = 50 phút) để học các tài liệu về LMS và 40 tiết học trực tiếp với giáo viên. Các nội dung trên LMS được thiết kế phù hợp với giáo trình được sử dụng trong các bài học trực tiếp. Trong suốt khóa học, cả giáo viên và sinh viên đều được hỗ trợ kĩ thuật bằng cách sử dụng hệ thống hoặc gọi điện thoại. Giáo viên và sinh viên có thể đăng nhập vào hệ thống từ bất kì vị trí nào bất kì lúc nào miễn là họ có kết nối Internet.

Sau bài học trực tiếp đầu tiên, sinh viên được giao một số nhiệm vụ nhất định trong hệ thống LMS để hoàn thành trước các bài học tiếp theo và các nhiệm vụ khác để hoàn thành sau bài học. Nội dung và khối lượng bài tập như nhau đối với mỗi sinh viên trong lớp. Đối với mỗi bài học trực tuyến, sinh viên sẽ phải hoàn thành từ năm đến sáu phần, cụ thể là Từ vựng, Ngữ pháp, Nghe, Đọc, Viết và Phát âm (nếu có) theo thứ tự được liệt kê. Từ vựng và Ngữ pháp thường bắt đầu bằng việc giới thiệu và giải thích kiến thức mục tiêu trước khi thực hành nhiệm vụ. Các từ và cụm từ mục tiêu được trình bày với nghĩa tiếng Việt, phiên âm, từ loại, ví dụ và minh họa. Sinh viên cũng có thể nghe phát âm từ hoặc cụm từ khi họ nhấp vào nút loa trong phần từ vựng. Đối với Ngữ pháp, sinh viên thường được

cung cấp cách sử dụng, cấu trúc và ví dụ về các đơn vị ngữ pháp mục tiêu. Một phần trình bày trong đó các kĩ năng mục tiêu được giải thích đôi khi được cung cấp trong phần Nghe và Đọc và thường được cung cấp trong phần Viết.

3.2. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu này thu thập và phân tích dữ liệu định tính để trả lời câu hỏi nghiên cứu. Trong nghiên cứu này, các cuộc phỏng vấn trực tiếp đã được sử dụng để điều tra ảnh hưởng của LMS đối với sự tham gia của sinh viên vì phỏng vấn cho phép người tham gia phỏng vấn mô tả trải nghiệm của bản thân một cách chi tiết mà không bị ảnh hưởng bởi quan điểm của người phỏng vấn hay kết quả từ nghiên cứu trước. Nghiên cứu diễn ra vào tháng 10 năm 2021. Do đại dịch Covid 19, phỏng vấn đã được thực hiện trực tuyến qua zoom và được ghi âm. Trước phỏng vấn, người tham gia đã điền vào mẫu phiếu chấp nhận phỏng vấn.

Các câu hỏi phỏng vấn tập trung vào trải nghiệm của sinh viên trong khi học với LMS; các yếu tố của LMS mà họ thấy hấp dẫn; những khó khăn họ gặp phải; và đề xuất để cải thiện hệ thống LMS. Về các yếu tố của LMS, bốn nội dung sau đây tập trung vào: tài liệu học tập (giải thích ngôn ngữ và kĩ năng mới, các loại tài liệu học tập, nhiệm vụ), giao tiếp trực tuyến, hỗ trợ trực tuyến và khả năng tiếp cận LMS. Tất cả các câu hỏi phỏng vấn đã được dịch sang tiếng Việt để người được phỏng vấn có thể hiểu đầy đủ các câu hỏi.

Hai mươi sinh viên đã được mời tham gia vào các cuộc phỏng vấn sâu với nhà nghiên cứu. Các tiêu chí để lựa chọn người được phỏng vấn bao gồm giới tính, kinh nghiệm học tập và chuyên ngành. Những người tham gia được lựa chọn ngẫu nhiên và tự nguyện cho mục đích khách quan. Có hai sinh viên từ mỗi chuyên ngành. Về giới tính, có 12 sinh viên nam và 8 sinh viên nữ đã tham gia. Về kinh nghiệm học tập, số lượng sinh viên năm thứ nhất, năm thứ hai và năm thứ ba lần lượt là 5, 6 và 9.

3.3. Phân tích dữ liệu

Hệ thống mã hóa được sử dụng để che giấu danh tính của người được phỏng vấn, đảm bảo tính ẩn danh. Các cuộc phỏng vấn được ghi âm. Dữ liệu định tính được gỡ băng và đánh máy lại và sau đó được phân tích theo chủ đề. Câu trả lời của 20 người tham gia phỏng vấn được so sánh, đối chiếu nhóm lại và phân loại theo các chủ đề trong cuộc phỏng vấn nhằm tìm ra các nhân tố điển hình.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Kết quả

Trong phần này, dữ liệu từ các cuộc phỏng vấn được báo cáo trong bốn chủ đề chính theo bốn khía cạnh chính của LMS, cụ thể là tài liệu học tập trực tuyến, giao tiếp trực tuyến, hỗ trợ trực tuyến và khả năng tiếp cận LMS.

1) *Tài liệu học tập trực tuyến*: Quan điểm của sinh viên về tài liệu học tập trực tuyến được trình bày dưới năm khía cạnh. Đó là giải thích về kiến thức và kĩ năng mới, các loại tài liệu học tập, mức độ khó của các nhiệm vụ, số lượng các nhiệm vụ trực tuyến và các loại nhiệm vụ, và thiết kế nhiệm vụ.

2) *Giải thích kiến thức và kĩ năng mới*: Giải thích về kiến thức và kĩ năng mới được trình bày trong ba phần (Từ vựng, Ngữ pháp và Viết) trong LMS.

Về việc giới thiệu từ vựng mới, sinh viên thể hiện mức độ tham gia với cảm xúc tích cực cao khi được học với hình ảnh và âm thanh. Tất cả người tham gia phỏng vấn đều thích học phần Từ vựng, đặc biệt là phần trình bày. Học sinh #2 nói: "*Em thích học từ vựng nhất. Em thấy hình ảnh, và phát âm rất hữu ích để em tự học*".

Về việc giới thiệu ngữ pháp, 2/3 số người được phỏng vấn thấy việc giải thích các điểm ngữ pháp là không cần thiết và nhàm chán. Sinh viên #19 cho biết: "*Em thường bỏ qua phần này và làm luôn sang phần bài tập thực hành ngữ pháp*". Học sinh #8 nói: "*Em thấy nó nhàm chán và thường đọc phần ngữ pháp rất nhanh và tập trung vào các bài tập sau đó*". Trong khi đó, 1/3 người tham gia thể hiện ý kiến trái ngược về vấn đề này.

Về phần trình bày trong kĩ năng viết, hơn một nửa số sinh viên cho rằng phần trình bày này là quan trọng và hữu ích. Sinh viên #3 cho biết *"hướng dẫn viết cung cấp cho chúng em thông tin cần thiết"*.

3) *Các loại tài liệu học tập*: Về các loại tài liệu học tập, việc sử dụng hình ảnh trong việc giới thiệu từ mới và âm thanh trong việc cung cấp phát âm giúp tăng cường sự tham gia học tập của người học. Audio trong phần Phát âm thực sự hữu ích và thú vị. Em đã chú ý hơn đến cách phát âm của từ (học sinh #7). Hầu hết người được phỏng vấn (19/20) khuyến nghị sử dụng video cho các nhiệm vụ kĩ năng Nghe để cải thiện sự tham gia của người học. Ví dụ, sinh viên #9 chuyên ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện tử cho biết: *"Em thích có nhiều video hơn trong phần nghe. Ví dụ, thay vì chỉ nghe bản ghi âm của ai đó đánh giá một sản phẩm thông minh, sinh viên có thể xem video để được nhìn thấy sản phẩm."*

Học sinh #19 chia sẻ cùng một ý kiến về việc sử dụng video trong học tập. *"Em nghĩ rằng sẽ thực tế và hấp dẫn hơn khi xem video và thực hiện các nhiệm vụ thay vì chỉ nghe audio 'bởi vì trong cuộc sống thực, hầu hết các giao tiếp của chúng ta diễn ra bằng hình ảnh'"*.

4) *Độ khó của nhiệm vụ*: Hầu hết sinh viên đều nhận thấy mức độ khó của nhiệm vụ phù hợp và việc thực hành nhiệm vụ trở nên hữu ích. Tuy nhiên, 2 sinh viên đã nói nhiệm vụ quá khó sẽ hạn chế sự tham gia học tập. Cụ thể, học sinh #15 cho biết em thường bỏ qua phần nghe khi các bài nghe quá khó để em có thể làm bài tập này. Học sinh #10 nhận xét: *"Đôi khi em bỏ qua nhiệm vụ viết các câu có ý nghĩa dựa trên các từ đã cho vì nó vượt quá khả năng của em"*. Như vậy, có vẻ như các bài tập quá khó có thể làm giảm sự kiên trì và nỗ lực của người học.

5) *Số lượng nhiệm vụ và loại nhiệm vụ*: Hơn 2/3 số người tham gia tin rằng số lượng nhiệm vụ là phù hợp và các loại nhiệm vụ đa dạng. Các nhiệm vụ thực hành từ vựng như "khớp nghĩa trong tiếng Việt với các từ tiếng Anh tương ứng" hoặc "quyết định câu đúng/ sai theo đoạn đọc" được cho là thích hợp với học sinh. Học sinh #14 cho rằng lí do có thể là do sự đơn giản của các yêu cầu nhiệm vụ. Tuy nhiên, một số loại bài tập có vấn đề về kĩ thuật đã khiến sinh viên cảm thấy thất vọng. Ví dụ, học sinh #12 bày tỏ cảm giác tiêu cực của mình về nhiệm vụ sắp xếp lại các chữ cái để có các từ hoặc cụm từ chính xác vì *"thật khó để sắp xếp lại các chữ cái của các từ hoặc cụm từ dài, đặc biệt là khi có khoảng cách giữa các từ hoặc khi có dấu ngoặc đơn. Em thường không thể chuyển sang nhiệm vụ tiếp theo vì lỗi đánh máy ngớ ngẩn"*. Nhiệm vụ yêu cầu học sinh nhấp chuột vào các từ thay vì gõ từ để tạo câu cũng gây cho người học cảm giác tiêu cực về cảm xúc: *"Đối với em, việc nhấp chuột vào từng chữ cái là khá tốn thời gian và gây khó chịu. Đôi khi em phải nhấp hơn 10 lần để hoàn thành một từ"*.

6) *Thiết kế nhiệm vụ*: Sinh viên thể hiện sự thất vọng khi hệ thống không bao gồm tất cả các phương án đúng. Sinh viên #18 cho biết: *"Đôi khi em viết câu trả lời đúng nhưng hệ thống không chấp nhận"*.

Tóm lại, các nhiệm vụ trực tuyến sử dụng hình ảnh, âm thanh và video hoặc yêu cầu sinh viên thao tác đơn giản, phần giải thích hữu ích sẽ tạo ảnh hưởng tích cực đến mức độ tham gia của sinh viên. Trái lại, việc đưa kiến thức quá dễ, các bài tập quá khó, các loại bài tập đòi hỏi nhiều thao tác, các bài có thiết kế chất lượng chưa cao có thể có ảnh hưởng tiêu cực đến sự tham gia của người học.

7) *Giao tiếp trực tuyến*: Tất cả sinh viên được phỏng vấn cho biết đã sử dụng mạng xã hội ngoài LMS để giao tiếp với giáo viên và bạn cùng lớp. Ứng dụng Zalo là nền tảng giao tiếp được nhắc đến nhiều nhất, đứng thứ hai là Facebook. Tuy nhiên, Zalo được cho là phù hợp hơn cho việc học vì nó giúp trao đổi hình ảnh với chất lượng cao và ít bị phân tâm hơn Facebook, cho phép mức độ tham gia nhận thức cao hơn. Hầu hết những người tham gia nhận xét rằng việc triển khai mạng xã hội là hữu ích cho họ khi hoàn thành các nhiệm vụ học tập trực tuyến vì LMS đã không cung cấp đủ công cụ và chức năng cho các tương tác của họ.

Hầu hết những người tham gia (80%) bày tỏ mong muốn có một công cụ truyền thông trực tuyến như các thảo luận hoặc diễn đàn trong LMS. Sau đây là một số ví dụ về ý kiến của sinh viên:

“Nó sẽ giúp ích nhiều khi em có thể sử dụng các diễn đàn để hỏi kiến thức mà em thấy khó hiểu (Sinh viên#16)”; *“Sẽ thú vị hơn nhiều nếu em có thể thảo luận mọi thứ với những người khác ở ngay phần bài tập”* (Sinh viên#4).

Có thể nói LMS hiện tại chưa cung cấp cho học viên các công cụ giao tiếp hiệu quả. Điều này đã có một số ảnh hưởng tiêu cực đến sự tham gia của người học, đặc biệt là về cảm xúc. Mạng xã hội có thể được sử dụng như một công cụ tổng hợp, cũng có thể tăng sự tham gia của sinh viên.

8) *Hỗ trợ trực tuyến*: Hỗ trợ trực tuyến bao gồm hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ giáo viên. Các hỗ trợ kỹ thuật bị trì hoãn sẽ khiến sinh viên mất chú ý tham gia về nhận thức) và cảm thấy thất vọng (tham gia về cảm xúc):

“Em thường xem YouTube trong khi chờ nhóm kỹ thuật phản hồi và giải quyết các vấn đề với LMS. Khi họ sửa xong, em đã bị phân tâm và không thể tập trung vào việc học nữa (Sinh viên #1)”; *“Em đang làm bài kiểm tra thì bất ngờ bị out khỏi hệ thống. Em đã cố gắng liên hệ với bộ phận hỗ trợ kỹ thuật nhưng đến khi em đăng nhập lại được, bài kiểm tra đã quá giờ và em bị điểm 1. Em cảm thấy rất bức xúc”* (Sinh viên #16).

Sinh viên cũng bày tỏ mong muốn hỗ trợ kỹ thuật kịp thời hơn.

Hỗ trợ từ phía giáo viên bị trì hoãn đã buộc sinh viên phải nỗ lực nhiều hơn trong học tập như được thể hiện bởi học sinh #20: *“Thay vì chờ đợi hoặc yêu cầu giáo viên trả lời các câu hỏi, em luôn cố gắng tìm kiếm câu trả lời cho bản thân mình trước tiên”*.

9) *Khả năng tiếp cận hệ thống học tập (LMS)*: Sự thuận tiện của việc học tập với LMS có ảnh hưởng cả tích cực và tiêu cực đến sự tham gia của sinh viên. Về sự gắn kết cảm xúc tích cực, tất cả những người được phỏng vấn đều thể hiện cảm xúc tích cực do có sự linh hoạt trong thời gian học tập, địa điểm học tập và tốc độ học tập khi học trực tuyến. Sinh viên #3 cho biết: *“Điều em yêu thích khi học tập với LMS là em có thể học bất cứ khi nào tôi muốn và bất cứ nơi nào em muốn”*.

Tuy nhiên, về sự tham gia nhận thức, cụ thể là mức độ chú ý, hầu hết những người được phỏng vấn đều cho thấy họ bị phân tâm khi học trực tuyến: *“Em phải nỗ lực tập trung hơn khi học ở nhà”* (Sinh viên#15).

Kết nối internet chậm cũng là một trong những lý do khiến sinh viên mất chú ý trong học tập: *“Em thường bị phân tâm trong khi chờ đợi trang tải.”* (Sinh viên #10). Hơn nữa, việc sinh viên có thể học bất cứ lúc nào cũng dẫn đến việc ít tập trung vào việc học tập: *“Khi học trên lớp, em phải chú ý nếu không em sẽ bỏ lỡ những gì giáo viên nói. Nhưng khi em học trực tuyến, em không cần phải tập trung vì em biết thông tin sẽ vẫn còn ở đó”* (Sinh viên #9).

Tóm lại, sự thuận tiện mà việc học tập với LMS mang lại có thể dẫn đến sự gia tăng sự tham gia tích cực về cảm xúc nhưng giảm sự tham gia nhận thức của người học.

4.2. Thảo luận và đề xuất

1) Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng LMS đã ảnh hưởng tích cực và tiêu cực đến mức độ tham gia của sinh viên. Các yếu tố sau đây được phát hiện là gây ra ảnh hưởng tiêu cực đến sự tham gia của học sinh: 1/kiến thức quá dễ; 2/các nhiệm vụ trên khả năng của sinh viên; 3/các nhiệm vụ được thiết kế kém; 4/hiệu công cụ giao tiếp; 5/trì hoãn hỗ trợ kỹ thuật và 6/sao nhãng việc học trực tuyến tại nhà. Trong khi đó, các yếu tố sau đây có thể giúp tăng cường sự tham gia của học sinh: 1/các nhiệm vụ trực tuyến sử dụng hình ảnh, âm thanh và video hoặc yêu cầu các hành động đơn giản từ học sinh; 2/giải thích hữu ích về kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ; 3/sự trì hoãn trong hỗ trợ từ giáo viên; 4/mạng xã hội và 5/sinh viên có quyền kiểm soát tốc độ học tập, không gian và thời gian.

Những phát hiện trong nghiên cứu này hỗ trợ lý thuyết rằng LMS là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của sinh viên. Cụ thể, kết quả nghiên cứu xác nhận nghiên cứu của Sahni (2019), về sự đa dạng của các tài liệu học tập có thể giúp tăng sự tham gia của người học. Kết quả nghiên cứu cũng xác nhận các tuyên bố của Jeffrey và cộng sự (2012) và Sahni (2019) rằng, hỗ trợ trực tuyến được người học đánh giá cao. Kết quả cũng hỗ trợ các tuyên bố của Youngers (2014) và Tay (2016) rằng đưa vào hệ thống học tập trực tuyến diễn đàn. Các phát hiện của nghiên cứu này

cũng khẳng định tầm quan trọng của video, sự dễ dàng truy cập vào các tài nguyên và mạng xã hội trong việc giúp sinh viên tham gia và duy trì sự tham gia trong khi thực hiện các hoạt động trực tuyến như được tìm thấy trong các nghiên cứu của Bernard và cộng sự. (2014), Tay (2016) và Barua và cộng sự (2018).

Kết quả nghiên cứu không mâu thuẫn với các tuyên bố của Jeffrey và cộng sự (2012) và Tay (2016) về tầm quan trọng của phản hồi và hỗ trợ kịp thời của giáo viên. Ngược lại, nó bổ sung vào kiến thức hiện có rằng phản hồi chậm có thể có lợi cho sự tham gia của người học vì nó có thể giúp tăng mức độ nỗ lực của sinh viên. Ngoài ra, mặc dù các nhiệm vụ khó có thể giúp người học nỗ lực hơn trong học tập, các nhiệm vụ vượt quá khả năng hoàn thành của sinh viên có thể dẫn đến cảm xúc tiêu cực.

2) Nghiên cứu này góp phần vào thực tiễn việc dạy-học tiếng Anh trực tuyến hiện nay:

Đề tạo điều kiện thực hiện BL hiệu quả, Nhà trường cần giải quyết các vấn đề chính như: Cơ sở hạ tầng công nghệ cần có khả năng bảo mật truy cập dễ dàng và đáng tin cậy vào các máy tính kết nối Internet và LMS; Hỗ trợ kỹ thuật phải kịp thời trong trường hợp sinh viên gặp sự cố khi đăng nhập hoặc sử dụng LMS; Chú ý nhiều hơn đến việc cải thiện sự tham gia của sinh viên trong môi trường trực tuyến của các khóa học BL.

Đối với nhà thiết kế nội dung của LMS, cần lưu ý tất cả các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của học sinh khi thiết kế các bài học trực tuyến. Cụ thể, các loại nhiệm vụ phải đa dạng và các nhiệm vụ phải ở mức độ khó thích hợp. Hình ảnh nên được sử dụng thường xuyên hơn, đặc biệt là trong việc dạy từ vựng mới. Video nên được đưa vào các nhiệm vụ thực hành nghe, thay vì chỉ sử dụng âm thanh. Cần dự đoán các phương án khác nhau cho câu hỏi khi thiết kế bài tập. Nên xây dựng diễn đàn thảo luận trong LMS.

Đối với giáo viên giảng dạy các khóa học BL, nên cân nhắc cung cấp hỗ trợ tức thì cho học sinh khi cần thiết. Ngoài LMS, giáo viên nên xem xét sử dụng các nền tảng truyền thông khác như mạng xã hội để cung cấp thêm các tương tác giáo viên - sinh viên và sinh viên với nhau.

5. Kết luận

Nghiên cứu nhấn mạnh vào việc tìm ra tác động của LMS đối với sự tham gia của người học. Để đạt được mục tiêu này, nghiên cứu này thu thập dữ liệu định tính và sử dụng các cuộc phỏng vấn làm công cụ thu thập. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn 20 người. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng việc giải thích kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ, thiết kế nhiệm vụ (độ khó của nhiệm vụ, tài liệu nhiệm vụ và loại nhiệm vụ), trì hoãn hỗ trợ, công cụ giao tiếp và sự dễ dàng truy cập LMS có thể có cả ảnh hưởng tiêu cực và tích cực đến sự tham gia của người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Barua, P. D., Zhou, X., Gururajan, R., & Chan, K. C. (2018), Determination of factors influencing student engagement using a learning management system in a tertiary setting. In *2018 IEEE/WIC/ACM International Conference on Web Intelligence (WI)* (pp. 604-609). IEEE.
2. Bernard, M. B., Borokhovski, E., Schmid, R. F., Tamim, R. M. and Abrami, Ph. C., (2014), A meta-analysis of BL and technology use in higher education: from the general to the applied. *Journal of Computing in Higher Education*, 26(1), pp.87-122.
3. Carmean, C., & Haefner, J. (2002), Mind over matter: Transforming course management systems into effective learning environments. *EDUCAUSE Review*, 37(6), pp.27-34.
4. Coates, H. (2006), *Student engagement in campus-based and online education: University connections*. Routledge.
5. Gillani, B. B. (2000), Using the web to create student centered curriculum. In R.A. Cole (Ed.), *Issues in web based pedagogy*. London, UK: Greenwood Press.

6. Hershey, L., & Wood, P. (2011), Using the blackboard CMS to develop team work skills in undergraduate marketing principles class. *Academy of Educational Leadership Journal*, 15(1), pp.57-64.
7. Hiver, P., Al-Hoorie, A. H., Vitta, J. P., & Wu, J. (2021), Engagement in language learning: a systematic review of 20 years of research methods and definitions. *Language Teaching Research*, 13621688211001289.
8. Jeffrey, L., Milne, J., Suddaby, G., & Higgins, A. (2012), Strategies for engaging learners in a blended environment. Ako Aotearoa-The National Centre for Tertiary Teaching Excellence.
9. Kasim, N. N. M., & Khalid, F. (2016), Choosing the Right Learning Management System (LMS) for the Higher Education Institution Context: A Systematic Review. *International Journal of Emerging Technologies in Learning*, 11(6).
10. Klem, A. M., & Connell, J. P. (2004), Relationships matter: Linking teacher support to student engagement and achievement. *Journal of School Health*, 74(7), pp.262-273.
11. Lowry, L. L., & Flohr, J. K. (2004), Technology and Change: A longitudinal case study of students' perceptions of and receptiveness to technology enhanced teaching and learning. *Journal of teaching in travel & tourism*, 4(1), pp.15-39.
12. Sahni, J. (2019). Does BL Enhance Student Engagement? Evidence from Higher Education. *Journal of e-Learning and Higher Education*, 2019, 1-14.
13. Tay, H. Y. (2016), Investigating engagement in a blended learning course. *Cogent Education*, 3(1), 1135772.
14. Williams, D., & Whiting, A. (2016), Exploring the relationship between student engagement, Twitter, and a learning management system: A study of undergraduate marketing students. *International Journal of Teaching and Learning in Higher Education*, 28(3), pp.302-313.
15. Youngers, T. (2014), Effectiveness of blended learning on student engagement. Retrieved from <https://scholarworks.uni.edu/grp/225/>.

Learning Management System and student engagement in blended learning: A case study at Hanoi University of Industry

Abstract: Blended learning (BL), an educational approach to systematically integrate face-to-face and online environments, is increasingly gaining momentum in higher education, especially in English language teaching due to its considerable potentials. One of the most important potentials of BL is that it may enhance student engagement. This paper presents the results of an exploratory study on the influences of the Learning Management System (LMS), a part of BL, on students' learning engagement. The study employed interviews as the main data collection instrument. Interviews were conducted with 20 students from different majors to investigate how the LMS influences student engagement. The research results show that explanation of language knowledge and skills, task designs (task difficulty, task materials, and task types), delay of support, communication tools and easy access to the LMS could have both negative and positive influences on student engagement in different ways. The study has important implications for teachers, curriculum developers as well as educational administrators in improving the quality of BL programs in educational institutions, especially the online learning component.

Key words: Student engagement; blended learning; influencing factors; higher education.